

Số: 167/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và ở địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 32/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (lần 2), tổng số tiền: 120.241 triệu đồng (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- TTTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh; Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT Đại biểu dân cử tỉnh Hà Giang;
- Lưu VT HĐND.



CHỦ TỊCH

Thào Hồng Sơn

PHÂN BỐ CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng cộng	Chi tiết theo dự án					
			Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH các huyện nghèo	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng	120.241	24.720	60.731	14.149	14.259	2.445	3.937
I	Các đơn vị khối tỉnh	8.727	0	0	343	7.011	773	600
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	377	0	0	0	0	277	100
2	Trường cao đẳng KT&CN	3.391	0	0	0	3.391	0	0
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.720	0	0	0	3.620	0	100
4	Sở Y tế	443	0	0	343	0	0	100
5	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	596	0	0	0	0	496	100
6	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	100	0	0	0	0	0	100
7	Sở Nội vụ	100	0	0	0	0	0	100
II	Các huyện, thành phố	111.514	24.720	60.731	13.806	7.248	1.672	3.337
1	Huyện Mèo Vạc	19.014	4.148	11.921	0	1.380	708	857
2	Huyện Đồng Văn	22.239	4.898	8.978	5.455	1.639	400	869
3	Huyện Yên Minh	11.885	4.272	4.170	1.570	1.216	120	537
4	Huyện Xín Mần	15.707	4.138	10.597	772	0	0	200
5	Huyện Hoàng Su Phì	21.898	3.652	12.854	3.838	1.429	125	0
6	Huyện Bắc Mê	10.315	3.612	6.500	0	0	0	203
7	Huyện Bắc Quang	4.070	0	2.188	152	1.145	224	361
8	Huyện Quang Bình	1.036	0	120	750	76	60	30
9	Huyện Vị Xuyên	5.350	0	3.403	1.269	363	35	280